TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2022/QĐST-DS	*Kiên Lương, ngày 28 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 179/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Th – sinh năm 1955, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1955 (chết)

Bà Trần Thị Thanh Th – sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

Những người kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ:

1/ Bà Trần Thị Thanh Th – sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

2/ Ông Nguyễn Văn Th (anh) – sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang

3/ Ông Nguyễn Văn Th (em) – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 191, QL 80, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện cho Quỹ tín dụng nhân dân B - ông Lê Công Th trình bày: Ngày 10/8/2018 Quỹ tín dụng nhân dân B có ký kết Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 với bà Nguyễn Thị Đ cho vay số tiền 700.000.000đ và có ký kết Hợp đồng tín dụng số: P18.0230 với bà Trần Thị Thanh Th cho vay số tiền 320.000.000đ, lãi suất trong hạn là 12.20%/năm, lãi quá hạn 18.30%/năm.

Ngoài ra, ngày 10/8/2018 Quỹ tín dụng nhân dân B có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số P18.0229/HĐTC với bà Nguyễn Thị Đ và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số P18.0230/HĐTC với bà Trần Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Đ để bảo đảm cho hai khoản vay trên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 958256 với diện tích đất 169,40m^2, loại đất ở đô thị, tài sản gắn liền với đất là nhà ở với diện tích 143,50m^2, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10/8/2018 bà Nguyễn Thị Đ đã trả gốc số tiền 100.000.000đ, còn nợ lại số tiền 600.000.000đ đối với Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 và ngày 12/12/2019 ông Nguyễn Văn Th (em) có đóng lãi số tiền 69.991.200đ

Đối với Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 ký với bà Đ tính đến ngày 31/5/2021 còn nợ lại số tiền 797.640.029đ (trong đó: tiền gốc là 600.000.000đ, lãi là 197.640.029đ)

Đối với Hợp đồng tín dụng số: P18.0230 ký với bà Th tính đến ngày 31/5/2021 còn nợ lại số tiền 462.736.654đ (trong đó: tiền gốc là 320.000.000đ, lãi là 142.763.654đ)

Nay đại diện Quỹ tín dụng nhân dân B yêu cầu bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) phải trả nợ vay gốc lãi đã ký Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 với bà Nguyễn Thị Đ và Hợp đồng tín dụng số: P18.0230 với bà Trần Thị Thanh Th số tiền 1.100.000.000đ (Trong đó: nợ gốc là 920.000.000đ, nợ lãi là 180.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 19/01/2022).

Bị đơn bà Trần Thị Thanh Th; Ông Nguyễn Văn Th (anh) và Nguyễn Văn Th (em) là những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Ông Th (anh), ông Th (em), bà Th đều thừa nhận ngày 10/8/2018 mẹ của ông bà là Nguyễn Thị Đ có ký kết Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 với Quỹ tín dụng nhân dân B vay số tiền 700.000.000đ và bà Th có ký kết Hợp đồng tín dụng số: P18.0230 với Quỹ tín dụng nhân dân B vay số tiền 320.000.000đ, lãi suất trong hạn là 12.20%/năm, lãi quá hạn 18.30%/năm.

Ngoài ra, ngày 10/8/2018 giữa Quỹ tín dụng nhân dân B với bà Nguyễn Thị Đ có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số P18.0229/HĐTC và

Quỹ tín dụng nhân dân B với bà Trần Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Đ có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số P18.0230/HĐTC để bảo đảm cho hai khoản vay trên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 958256 với diện tích đất 169,40m^2, loại đất ở đô thị, tài sản gắn liền với đất là nhà ở với diện tích 143,50m^2, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Cùng ngày bà Nguyễn Thị Đ đã trả lại gốc 100.000.000đ đối với hợp đồng vay của bà Đ, còn nợ gốc số tiền 600.000.000đ và ngày 12/12/2019 ông Nguyễn Văn Th (em) có đóng lãi số tiền 69.991.200đ.

Nay ông Th (anh), ông Th (em), bà Th đồng ý trả nợ gốc lãi số tiền 1.100.000.000đ (Trong đó: nợ gốc số tiền 920.000.000đ, nợ lãi số tiền 180.000.000đ)

* Về phương thức thanh toán: Đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân B, bà Trần Thị Thanh Th, ông Nguyễn Văn Th (anh) và Nguyễn Văn Th (em) thống nhất cách trả nợ như sau: Bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) trả nợ vay gốc lãi (theo Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 và Hợp đồng tín dụng số: P18.0230) số tiền 1.100.000.000đ (Trong đó: nợ gốc là 920.000.000đ, nợ lãi là 180.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 19/01/2022) trong vòng 60 (Sáu mười) ngày (tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 19/3/2022).

Trường hợp trong thời gian 60 ngày (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 19/03/2022) mà bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) đã trả hết số nợ gốc lãi 1.100.000.000đ cho Quỹ tín dụng nhân dân B thì Quỹ tín dụng nhân dân B phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 958256 (theo hợp đồng thế chấp số P.18.0229/HĐTC và số P.18.0230/HĐTC, ngày 10/8/2018) cho bà Trần Thị Thanh Th, ông Nguyễn Văn Th (anh), ông Nguyễn Văn Th (em).

Trường hợp hết thời gian 60 ngày (từ ngày 19/01/2022 đến ngày 19/03/2022) mà bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) không trả hết số nợ gốc lãi 1.100.000.000đ thì bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) đồng ý giao tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số P.18.0229/HĐTC và số P.18.0230/HĐTC, ngày 10/8/2018) cho Cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong ký Hợp đồng tín dụng số: P18.0229 và Hợp đồng tín dụng số: P18.0230 tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

* Về án phí: Án phí DSST là 22.500.000đ, mỗi bên phải nộp ½. Quỹ tín dụng nhân dân B phải nộp 11.250.000đ; bà Th, ông Th (anh), ông Th (em) phải nộp 11.250.000đ.

Quỹ tín dụng nhân dân B đã nộp tạm ứng án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 24.905.650đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000028 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại số tiền 13.655.650đ cho Quỹ tín dụng nhân dân B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Mai